

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/DS-ST

Ngày: 16/3/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Phương Quyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Vân

2. Ông Trần Hùng Bích

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 341/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐST-DS, ngày 25 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Hà Q, sinh năm 1968; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 134A/4, tổ 1C, đường Nguyễn Cảnh Dị, khóm Bình K 3, phường Bình K, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. (Ông Q đơn đơn xét xử vắng mặt ngày 13/3/2022).

- Bị đơn: Ông Trần Phú L, sinh năm 1980; (Vắng mặt).

Địa chỉ: 53/3A, khóm An T, phường Mỹ T, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

Chỗ ở hiện nay: Số 67 đường Lạc Long Quân, khóm Bình K 3, phường Bình K, thành phố Lona Xuyên, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 29/9/2020; đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hoàng Hà Q trình bày:*

Do có quan hệ làm ăn với nhau nên từ tháng 01/2019 đến tháng 02/2019, ông Hoàng Hà Q có cho ông Trần Phú L vay nhiều lần tiền cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 08/01/2019, ông L vay 90.000.000đ, hạn 03 tháng sẽ thanh toán, lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng. Ông L đóng lãi được 03 tháng với số tiền 6.200.000đ thì ngưng không trả vốn lãi cho đến nay. Khi vay ông L có làm giấy thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05670, thửa 408, tờ bản đồ số 17, với diện tích 1343,0m², do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 23/4/2018 cho bà Trần Thị Ngọc Quyền (tại trang 03 của giấy chứng nhận này thể hiện bà Quyền tặng cho ông Trần Phú L và được Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện L Ngự ký xác nhận) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05671, thửa 532, tờ bản đồ số 17, với diện tích 1609,0m², do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 23/4/2018 cho bà Trần Thị Ngọc Quyền (tại trang 03 của giấy chứng nhận này thể hiện bà Quyền tặng cho ông Trần Phú L và được Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện L Ngự ký xác nhận). Giấy thế chấp này chỉ có ông và ông L ký nhận không có đăng ký thế chấp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, hiện nay ông đang giữ bản chính 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

Lần 2: Vào ngày 18/01/2019, ông L vay 50.000.000đ, hạn 25 ngày sau sẽ thanh toán, lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng, khi vay có làm biên nhận nợ do ông L ký tên đến nay ông L chưa thanh toán vốn lãi.

Lần 3: Vào ngày 26/02/2019, ông L vay tiếp 10.000.000đ, hạn 10 ngày sau sẽ thanh toán, lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng, khi vay có làm biên nhận nợ do ông L ký tên có làm biên nhận nợ do ông L ký tên đến nay ông L chưa thanh toán vốn lãi.

Do ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông Q khởi kiện yêu cầu ông Trần Phú L có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vốn 150.000.000đ và lãi suất đối với từng biên nhận theo quy định pháp cho đến ngày xét xử và ông đồng ý khấu trừ đối với phần lãi mà ông đã nhận cao hơn so với quy định pháp luật. Đối với bản chính 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông đang giữ của ông Trần Phú L thì ông đồng ý giao trả lại cho ông Trần Phú L.

** Quá trình tòa án giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Phú L vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và lần thứ hai tại phiên tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng như cung cấp chứng cứ, chứng minh không phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Tại phiên tòa;

Ông Hoàng Hà Q Có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 13/3/2022, ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện trước đây.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu:*

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn vắng mặt không lý do, không có ý kiến trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án tổng đạt hợp lệ nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả số tiền vốn gốc và tính lãi suất đối với từng biên nhận theo quy định pháp luật kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử. Đồng thời, khấu trừ tiền lãi bị đơn đã trả vượt quá quy định pháp luật vào vốn gốc. Đối với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05670, cấp ngày 23/4/2018 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05671, cấp ngày 23/4/2018, ông Q phải trả lại cho ông L vì chưa thực hiện đúng theo quy định của pháp luật đất đai và pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm theo Điều 167 Luật Đất đai 2013, Điều 298 BLDS năm 2015 và Điều 4 Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Hoàng Hà Q với bị đơn ông Trần Phú L là tranh chấp hợp đồng dân sự nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Hoàng Hà Q là nguyên đơn trong vụ án khởi kiện và xác định bị đơn ông Trần Phú L phù hợp theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn ông Hoàng Hà Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 13/3/2022 là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét chấp nhận. Bị đơn ông Trần Phú L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông L được thể hiện trong hồ sơ vụ án là phù hợp với Điều 2, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017; khoản 5 Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có quy định *“Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không*

thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.” Do đó Tòa án niêm yết theo quy định.

Do nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung:

[1] Theo nội dung giấy thế chấp ngày 08/01/2019; các biên nhận nợ ngày 18/01/2019; 26/02/2019, thể hiện ông Trần Phú L có vay của ông Hoàng Hà Q với số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Việc giao kết hợp đồng vay tiền giữa ông Q với ông L xuất phát từ sự tự nguyện giữa hai bên. Giấy thế chấp và biên nhận vay tiền ghi rõ họ tên người cho vay là Hoàng Hà Q, người ký vay là Trần Phú L, ghi rõ số tiền vay, nghĩa vụ và thời gian trả nợ cụ thể nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản, có kỳ hạn được quy định tại Điều 463, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015 nên hợp đồng này phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Nguyên đơn khởi kiện cho rằng phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ năm 2019 đến nay. Trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn ông Trần Phú L không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Đồng thời, Tòa án không tiến hành hoà giải được, không đối chất được để làm rõ các vấn đề có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không thực hiện được quyền tranh luận tại phiên tòa để bảo vệ quyền L cho mình là lỗi của ông L. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông Hoàng Hà Q đã xuất trình chứng cứ là bản chính giấy thế chấp ngày 08/01/2019; các biên nhận nợ ngày 18/01/2019; 26/02/2019, do ông Trần Phú L ký nhận, đã chứng minh được có sự việc ông Trần Phú L nợ tiền vay của ông Hoàng Hà Q nhưng ông L vẫn chưa trả nợ cho ông Q là quy phạm vi định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên ông Hoàng Hà Q khởi kiện yêu cầu ông Trần Phú L có nghĩa vụ trả cho ông số tiền nêu trên là có căn cứ nên được xem xét chấp nhận.

[2] Về lãi suất vay và thời hạn vay: Theo giấy thế chấp ngày 08/01/2019; các biên nhận nợ ngày 18/01/2019; 26/02/2019, không thể hiện về lãi suất nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông Q trình bày khi cho vay thì hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 3%/tháng và ông thừa nhận có nhận được 03 tháng tiền lãi của khoản vay 90.000.000đ với số tiền là 6.200.000đ, số tiền lãi này ông đồng ý khấu trừ nếu cao hơn so với quy định pháp luật. Theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có

liên quan quy định khác, nguyên đơn ông Q yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày làm biên nhận nợ cho đến ngày xét xử. Xét thấy, việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật và đồng ý khấu trừ phần lãi suất nhận cao hơn so với lãi suất mà pháp luật quy định là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định pháp luật nên được xem xét chấp nhận.

Mức lãi suất được áp dụng tại thời điểm xét xử là 1,67%/tháng được tính sau:

- Đối với khoản vay 90.000.000đ, tiền lãi mà ông L phải trả cho ông Q từ ngày 08/01/2019 (làm biên nhận nợ) đến ngày xét xử là ngày 16/3/2022 theo quy định pháp luật là 38 tháng 08 ngày. Do ông Q đã nhận 03 tháng tiền lãi nên trừ lại còn lại 35 tháng 08 ngày:

$90.000.000 \text{ đồng} \times 1,67\%/\text{tháng} \times 35 \text{ tháng } 08 \text{ ngày} = 53.005.800\text{đ}.$

Phần tiền lãi mà ông Q đã nhận 03 tháng, với lãi suất 3%/tháng là 6.200.000đ. Trong khi lãi suất 03 tháng theo quy định pháp luật là: $90.000.000\text{đ} \times 1,67\%/\text{tháng} \times 03 \text{ tháng} = 4.509.000\text{đ}.$

Vậy số tiền ông L đóng lãi vượt là: $6.200.000\text{đ} - 4.509.000\text{đ} = 1.691.000\text{đ}.$ số tiền này sẽ được trừ vào nợ gốc như sau: $90.000.000\text{đ} - 1.691.000\text{đ} = 88.309.000\text{đ}$ (tám mươi tám triệu ba trăm lẻ chín nghìn đồng).

- Đối với khoản vay 50.000.000đ, tiền lãi mà ông L phải trả cho ông Q từ ngày 18/01/2019 (làm biên nhận nợ) đến ngày xét xử 16/3/2022 là 37 tháng 26 ngày:

$50.000.000 \text{ đồng} \times 1,67\%/\text{tháng} \times 37 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} = 31.620.400\text{đ}$ (ba mươi một triệu sáu trăm hai chục nghìn bốn trăm đồng).

- Đối với khoản vay 10.000.000đ, tiền lãi mà ông L phải trả cho ông Q từ ngày 26/02/2019 (làm biên nhận nợ) đến ngày xét xử 16/3/2022 là 36 tháng 17 ngày:

$10.000.000\text{đ} \times 1,67\% \times 36 \text{ tháng} \times 17 \text{ ngày} = 6.106.600\text{đ}$ (sáu triệu một trăm lẻ sáu nghìn sáu trăm đồng)

Như vậy, số tiền nợ vốn và tiền lãi mà ông L có nghĩa vụ trả cho ông Q là: Tiền vốn: $88.309.000\text{đ} + 50.000.000\text{đ} + 10.000.000\text{đ} = 148.309.000\text{đ};$ Tiền lãi: $53.005.800\text{đ} + 31.620.400\text{đ} + 6.106.600\text{đ} = 90.732.800\text{đ}.$ Tổng cộng vốn lãi là 239.041.800đ (hai trăm ba mươi chín triệu không trăm bốn mươi một nghìn tám trăm đồng).

[3] Đối với bản chính: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05670, thửa 408, tờ bản đồ số 17, với diện tích 1343,0m², do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 23/4/2018 cho bà Trần Thị Ngọc Quyền (tại trang 03 của giấy chứng nhận này thể hiện bà Quyền tặng cho ông Trần Phú L và được Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Hồng Ngự ký xác nhận) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05671, thửa 532, tờ bản đồ số 17, với diện tích 1609,0m², do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 23/4/2018 cho bà Trần Thị Ngọc Quyền (tại trang 03 của giấy chứng nhận này thể

hiện bà Quyền tặng cho ông Trần Phú L và được Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Hồng Ngự ký xác nhận). Giấy thế chấp này chỉ có ông Q và ông L ký nhận không có đăng ký thế chấp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, hiện nay ông Q đang giữ bản chính 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này và ông Q đồng ý trả lại cho ông L hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Xét đây là sự tự nguyện của ông Q phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Hoàng Hà Q được tòa án chấp nhận nên nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Trần Phú L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân tối cao;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Hà Q đối với ông Trần Phú L.

Buộc ông Trần Phú L trả cho ông Hoàng Hà Q số tiền vốn lãi là 239.041.800đ (hai trăm ba mươi chín triệu không trăm bốn mươi một nghìn tám trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Ông Hoàng Hà Q có trách nhiệm trả lại cho ông Trần Phú L bản chính:

01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05670, thửa 408, tờ bản đồ số 17, với diện tích 1343,0m², do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 23/4/2018 cho bà Trần Thị Ngọc Quyền (tại trang 03 của giấy chứng nhận này thể hiện bà Quyền tặng cho ông Trần Phú L và được Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Hồng Ngự ký xác nhận);

01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05671, thửa 532, tờ bản đồ số 17, với diện tích 1609,0m², do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 23/4/2018 cho bà Trần Thị Ngọc Quyền (tại trang 03 của giấy chứng nhận này thể hiện bà Quyền tặng cho ông Trần Phú L và được Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Hồng Ngự ký xác nhận).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Phú L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.952.000đ (mười một triệu chín trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Ông Hoàng Hà Q được nhận lại 3.750.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007757 ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[3] Về quyền kháng cáo:

Ông Hoàng Hà Q, ông Trần Phú L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- THA TPLX;
- VKS TPLX
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Phương Quyền